PHỤ LỤC 2.1

TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2026 (CẤP XÃ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 15/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Địa phương	Biên chế công chức được giao năm 2025 (biên chế)	Số lượng cán bộ, công đang có mặt tính đến 15/5/2026 (người)	Số lượng biên chế công chức chưa sử dụng tính đến 15/5/2026 (biên chế)	Nhu cầu đăng ký tuyển dụng công chức ở cấp xã, phường theo VTVL (Tên VTVL cụ thể theo lĩnh vực, số thứ tự tại Mục II Phụ lục V - Danh mục VTVL công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính ở cấp xã - ban hành kèm theo Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ - không bao gồm các VTVL được xác định là kiêm nhiệm)																																Ghi chú
					TỔNG NHU CẦU TUYỂN DỤNG (chỉ tiêu)	Lĩnh vực Văn phòng (03 VTVL)			Lĩnh vực Tư pháp (01 VTVL)	Lĩnh vực đối ngoại (01 VTVL)	Lĩnh vực tài chính - kế hoạch (03 VTVL)			Lĩnh vực xây dựng (03 VTVL)			Lĩnh vực Công Thương (01 VTVL)	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (04 VTVL)				Lĩnh vực Nội vụ (03 VTVL)			Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (01 VTVL)	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học, Thông tin (03 VTVL)			Lĩnh vực Y tế (01 VTVL)	Phục vụ hành chính công (01 VTVL)	Sử dụng tại các Phòng chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Phòng (05 VTVL)								
						II - 9	II - 10	II - 11	II - 12	II - 13	II - 14	II - 15	II - 16	II - 17	II - 18	II - 19	II - 20	II - 21	II - 22	II - 23	II - 24	II - 25	II - 26	II - 27	II - 28	II - 29	II - 30	II - 31	II - 32	II - 33	II - 35	II - 36	II - 37	II - 40	II - 41	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)
1	Phường Nha Trang	90	84	6	6				1						1										1				1			2				
2	Phường Bắc Nha Trang	78	69	9	8		1						1	1								2							1	1	1				
3	Phường Tây Nha Trang	72	63	9	7							1		1		1						1					1		1			1			
4	Phường Nam Nha Trang	77	69	8	8		2													1			1		1	1				1	1				
5	Phường Bắc Cam Ranh	45	40	5	4									1											1			1							1	
6	Phường Cam Ranh	45	39	6	6								1				1					1					1	1	1						
7	Phường Cam Linh	40	38	2	2									1																	1				
8	Phường Ba Ngòi	39	35	4	4							1								2							1								
9	Xã Nam Cam Ranh	39	32	7	7		1					1			1						1		1				1			1					
10	Phường Ninh Hòa	54	49	5	5		1								1					1							1		1						
11	Phường Đông Ninh Hòa	48	44	4	3									1						2															
12	Phường Hòa Thắng	37	29	8	7		1				1	1			1							1						1			1				
13	Xã Bắc Ninh Hòa	42	34	8	8									1	1	1				2					1			1			1				
14	Xã Tân Định	44	34	10	10				1	1		1			1					2	1	1									1			1	
15	Xã Nam Ninh Hòa	40	32	8	6							1	1														1	1		1					
16	Xã Tây Ninh Hòa	32	28	4	4										1							1				1								1	
17	Xã Hòa Trí	38	34	4	4										1				1						1						1				
18	Xã Vạn Ninh	50	42	8	8				1					1		1	1				1				1		1			1					
19	Xã Vạn Hưng	34	32	2	2										1																1				
20	Xã Vạn Thắng	39	29	10	8							1		1					1	1							1		1			1			1	
21	Xã Tu Bông	38	32	6	6										1										1			1		1				1	
22	Xã Đại Lãnh	36	29	7	7						1						1			1					1			1						1	
23	Xã Diên Khánh	46	38	8	8	1		1			1			1						1								1	2						
24	Xã Diên Lạc	35	27	8	5		1								1												1		1		1				
25	Xã Diên Điền	43	34	9	8		1	1				1				1	1								1	1					1				
26	Xã Diên Lâm	34	28	6	6		1											1			1						1		1		1				
27	Xã Suối Hiệp	36	30	6	6										1					1					1		1		1					
28	Xã Diên Thọ	34	31	3	3									1						1														1	
29	Xã Cam Lâm	59	54	5	2			1																				1							
30	Xã Suối Dầu	40	33	7	7			1	1		1				1										1		1		1						
31	Xã Cam Hiệp	38	31	7	7			1	1		1					1		1							1						1				
32	Xã Cam An	43	39	4	4		1													1							1			1					
33	Xã Bắc Khánh Vĩnh	34	31	3	1		1																												
34	Xã Trung Khánh Vĩnh	36	31	5	4									1						1		1									1				
35	Xã Tây Khánh Vĩnh	37	31	6	6						1							1							1			1		1	1				
36	Xã Nam Khánh Vĩnh	41	38	3	3						1	1															1								
37	Xã Khánh Vĩnh	36	32	4	4						1											1						1			1				
38	Xã Khánh Sơn	46	38	8	7			1								1	1	1					1				1	1							
39	Xã Tây Khánh Sơn	44	39	5	4						1																	1			1			1	
40	Xã Đông Khánh Sơn	48	45	3	3											1													1		1				
41	Xã Ninh Phước	50	46	4	4										1					1		1			1										
42	Xã Phước Hữu	41	35	6	5									2													1		1						
43	Xã Phước Hậu	48	42	6	6		1					1			1					1							1		1						
44	Xã Thuận Nam	38	24	14	12	2	1				1			1	1					1		1				1			2	1					
45	Xã Cà Ná	36	26	10	10			1				1			1	1	1					1			1		1		1		1				
46	Xã Phước Hà	38	34	4	2												1														1				
47	Xã Phước Dinh	47	40	7	7						2					1	1											1	1		1				
48	Xã Ninh Hải	42	38	4	4							1								1					1						1				
49	Xã Xuân Hải	46	41	5	5										1			1							1			1			1				
50	Xã Vĩnh Hải	49	39	10	8				1		1			1						1					1						3				
51	Xã Thuận Bắc	44	41	3	3				1					1							1														
52	Xã Công Hải	40	33	7	6						1				1					1				1	1						1				
53	Xã Ninh Sơn	41	33	8	4			1	1		1																				1				
54	Xã Lâm Sơn	38	35	3	3							1								1							1								
55	Xã Anh Dũng	33	27	6	4						1				1	1											1								
56	Xã Mỹ Sơn	35	33	2	2															1														1	
57	Xã Bác Ái Đông	44	42	2	2																							1		1					
58	Xã Bác Ái	45	39	6	6							1			1					1					1		1		1						
59	Xã Bác Ái Tây	38	34	4	4		1										1							1				1							
60	Phường Phan Rang	60	55	5	5						1				1					1										1	1				
61	Phường Đông Hải	51	45	6	6					1		1		1			1						1				1								
62	Phường Ninh Chử	43	39	4	4						1									1	1										1				
63	Phường Bảo An	46	41	5	4										1					1	1				1										
64	Phường Đô Vinh	41	36	5	4						1				1							1					1								
TỔNG CỘNG		**2821**	**2445**	**376**	**338**	3	14	8	8	2	19	15	3	17	24	10	10	5	2	29	7	13	4	2	21	4	21	12	20	16	7	33	0	0	9	